TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày: 06-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Ngọc Hương

Bà Võ Thị Diệu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2019/HSST ngày 06 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Tấn B (Tên gọi khác: B O), sinh ngày: 19/4/1990, tại R, Khánh Hòa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố TS, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Cao đài. Văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Lê Văn Â, sinh năm 1954. Mẹ: Trần Thị E, sinh năm 1955. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 02/6/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 05/02/2013; ngày 12/11/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố R xử phạt 03 năm tù về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt ngày 30/9/2015; ngày 30/12/2016 bị Công an thành phố R xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị bắt từ ngày 24/12/2018. (Có mặt).

2. Huỳnh Thúy N (Tên gọi khác M), sinh ngày: 30/6/1991, tại R, Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố SL, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Cắt tóc. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Huỳnh Văn H, sinh 1956. Mẹ: Trần Thị Kiều O, sinh năm 1959. Chồng: Chưa. Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án: Ngày 15/12/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành

xong hình phạt ngày 01/3/2018. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 23/5/2019. (Có mặt).

** Người bị hại:*

1. Trần M, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố KC 2, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

2. Lê Thị Kiều A, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

3. Tạ Nữ Thùy V, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn SM, xã CPĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Ông Minh, bà Oanh, bà Vân có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đỗ Thị Ngọc U, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố PS, phường CPN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

2. Nguyễn Xuân D, sinh năm: 1980; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố LS, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại nhà tạm giữ Công an thành phố R.

3. Nguyễn Tấn TH, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tổ dân phố LP, phường CLI, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. B

(Bà U, ông TH có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt)

** Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thái V, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố HDB, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

2. Nguyễn Thị Mỹ NG, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: HD7, xã CTN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

3. Nguyễn Thị RO, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố TS, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

4. Trần Thị L, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố TS, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

5. Trương Chí DN, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố PS, phường CPN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Tất cả các người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tấn B và Huỳnh Thúy N là người nghiện ma túy; B là người không có nơi cư trú rõ ràng. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, B đã 03 lần trộm cắp tài sản, trong đó 01 lần cùng N trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố R, tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào khoảng 02 giờ ngày 02/6/2018, B đi tìm xe mô tô của người khác trộm cắp để sử dụng. B mang theo 01 van phá khóa bằng kim loại, 02 cây

cờ lê. Khi đến nhà bà Phạm Thị Hiên ở tổ dân phố KC, phường BN, thành phố R, B thấy có 03 xe mô tô đang dựng trong sân, nhà không khóa cổng. B đi vào dùng van phá khóa phá ổ khóa điện xe mô tô 79C1-125.31 rồi dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển xe bỏ đi. Sau đó, B dùng cờ lê tháo biển số xe 79C1-125.31 để trên xe, trên đường đi bị rơi mất. B tháo dàn nhựa xe ra rồi dùng sơn xịt lại màu khác và dùng giấy nhám chà mòn số khung, số máy xe 79C1-125.31. B gắn biển số xe 79U2-1267 vào xe 79C1-125.31 sử dụng. Đến ngày 07/7/2018, B cho Nguyễn Xuân D mượn xe mô tô trên để sử dụng. Sau đó, Xuân D cầm thế xe này cho Nguyễn Thái V được 6.000.000 đồng. Xuân D nói cho Tấn B biết đã thế xe, sẽ đưa tiền cho Tấn B thì Tấn B đồng ý. Xuân D đưa trước cho Tấn B 1.200.000 đồng, hẹn sẽ trả dần cho B. Đến ngày 30/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã tạm giữ chiếc xe trên của V.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: Xe mô tô 79C1-125.31 trên trị giá 13.800.000 đồng.

Vụ 2: Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 15/12/2018, B mang theo 01 van phá khóa bằng kim loại và 02 cây cờ lê dùng để phá khóa xe đi tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường Nguyễn Công Trứ thuộc thôn QP, xã CTN, thành phố R, B thấy xe mô tô 79C1-369.86 của bà Lê Thị Kiều A dựng bên đường, không có người trông coi. B đến phá ổ khóa xe rồi lấy xe điều khiển bỏ đi. Sau đó, B tháo biển số xe 79C1-369.86 vứt đi. Đến ngày 16/12/2018, B đến khu vực chợ Cư xá thuộc phường CL, thành phố R thì nhặt được biển số xe mô tô 79N6-9237 nên gắn vào xe sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 165 ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: Xe mô tô 79C1-369.86 trên trị giá 20.700.000 đồng.

Vụ 3: Khoảng 19 giờ ngày 16/12/2018, N gọi điện thoại rủ B đi trộm cắp tài sản, B đồng ý. Đến 09 giờ ngày 17/12/2018, B điều khiển xe mô tô gắn biển số 79N6-9237 chở N đi trộm cắp tài sản. B mang theo 01 van phá khóa bằng kim loại và 02 cây cờ lê dùng để phá khóa xe. Khi đến nhà bà Tạ Nữ Thùy V ở thôn SM, xã CPĐ, thành phố R; B thấy xe mô tô 79C1-444.66 của bà V đang dựng trong sân nhà, không có người trông coi. B nói N đứng chờ ở ngoài. B vào nhà bà V dùng van phá khóa xe điều khiển bỏ đi thì bị bà V phát hiện, truy hô. B điều khiển xe bỏ chạy đến khu vực vườn xoài ở phường BN, thành phố R. Tại đây, B mở cốp xe lấy số tiền 2.600.000 đồng, 01 chiếc áo mưa và một số giấy tờ cá nhân của bà V. Sau đó, B dùng cờ lê tháo biển số xe vứt đi. B giấu xe tại khu vực bãi đất trống gần nhà chị Nguyễn Thị RO ở tổ dân phố TS, phường BN, thành phố R. B gọi điện thoại cho N đến đón. Sau đó, B điều khiển xe mô tô gắn biển số 79N6-9237 chở N đến khu vực cảng cá thuộc phường Cam Lợi, thành phố R gặp Đỗ Thị Ngọc U để bán xe mô tô 79C1-444.66. B nói xe đang để ở nhà chị RO (chị dâu U). Nữ gọi điện thoại cho chồng là Trương Chí DN đến xem xe. DN đến nhà chị RO lấy xe về. B lấy biển số xe 79Z1-0026 mà trước đó B nhặt được ngoài đường đến nhà DN lắp vào xe 79C1-444.66. DN đưa cho B 4.000.000 đồng. B đưa cho N 1.400.000 đồng. B và N đến xóm Cây Me thuộc tổ dân phố KC, phường BN, thành phố R mua 03 tép ma túy với giá 300.000 đồng của Nguyễn Văn Đ tổ dân phố Khánh Cam 1, phường BN, thành phố R sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 164 ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: Xe mô tô 79C1-444.66 trên trị giá 21.150.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11 ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: Chiếc áo mưa trên trị giá 29.750 đồng. Tổng giá trị tài sản chị V bị mất là 23.779.750 đồng.

Đối với U, DN có hành vi mua xe mô tô 79C1-444.66 do B, N bán nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Xuân D, V có hành vi cầm thế xe và nhận cầm thế xe mô tô 79C1-125.31 của Tấn B nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với B khai nhận mua 03 tép ma túy của Đ. Tuy nhiên, hiện nay Đông không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R sẽ điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với biển số xe mô tô 79N6-9237 và 79Z1-0026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R chưa xác định được chủ sở hữu nên sẽ điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSCR-HS ngày 08/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố bị cáo B về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố bị cáo Nguyễn N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố R ban hành Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 16/2019/HSST-QĐ, đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của Nguyễn Xuân D, sinh năm: 1985, nơi cư trú: Tổ dân phố LS - phường CL - thành phố R - tỉnh Khánh Hòa đối với hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 06/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R ban hành Công văn số 626/VKS-HS, về việc điều tra bổ sung vụ án Lê Tấn B cùng đồng phạm về tội "Trộm cắp tài sản", nội dung Lê Tấn B và Nguyễn Xuân D đều khai nhận Tấn B nhờ Xuân D cầm thế xe mô tô 79C1-125.31, Xuân D không biết xe mô tô 79C1-125.31 do Tấn B trộm cắp được mà có. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Xuân D về hành vi này. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 17/CT-VKSCR-HS ngày 08/3/2019.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo B, N về điều khoản như trên của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo B; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo N; xử phạt bị cáo B từ 03-04 năm tù, xử phạt bị cáo N từ 12-15 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần M, Kiều A đã nhận lại tài sản, người bị hại V đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Xuân D, Ngọc U không yêu cầu

bồi thường; bị cáo B không yêu cầu bị cáo N bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng hiệu Diamond Brand; 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng hiệu Chrome Vanadium; trả lại cho ông TH biển số xe mô tô 79U2-1267.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Vào ngày 23/4/2019, 07/5/2019, 15/5/2019, 17/7/2019 người bị hại Lê Thị Kiều A, Trần M, Tạ Nữ Thùy V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Ngọc U, Nguyễn Tấn TH có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của các người tham gia tố tụng trên là có lý do chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Tấn B, Huỳnh Thúy N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các người bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chỉ vì cần tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ ngày 02/6/2018 đến ngày 17/12/2018, trên địa bàn thành phố R; B, N đã lợi dụng sự sơ hở của người khác lén lút thực hiện hành vi trộm tài sản, cụ thể B 03 lần trộm cắp tài sản của ông M, bà A, bà V với tổng trị giá là 58.279.750 đồng; N cùng B trộm cắp tài sản của bà V, trị giá là 23.779.750 đồng.

Hành vi của bị cáo B có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; bị cáo N có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 17/CT-VKSCR-HS ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố các bị cáo B, N về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo B, N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo đều là thanh niên trong độ tuổi lao động, không lương thiện làm ăn lại lâm vào con đường nghiện hút, làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo B liên tiếp 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo N từng bị xử phạt tù về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo B tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại V và được bà V xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại M, A đã nhận lại tài sản, V đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Xuân D, Ngọc U không yêu cầu bồi thường; bị cáo B không yêu cầu bị cáo N bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về vật chứng vụ án: 01 (một) cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng hiệu Diamond Brand; 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng hiệu Chrome Vanadium là công cụ phạm tội; biển số xe mô tô 79U2-1267 là tài sản của ông Nguyễn Tấn TH nhưng ông TH không có nhu cầu sử dụng, ông đã đăng ký cấp biển số xe mới nên biển số xe 79U2-1267 không còn giá trị sử dụng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo B, bị cáo N phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Tấn B.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Huỳnh Thúy N.

Áp dụng khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với 02 bị cáo Lê Tấn B, Huỳnh Thúy N.

1. Xử phạt:

Bị cáo Lê Tấn B 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/12/2018.

Bị cáo Huỳnh Thúy N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/5/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần M, Lê Thị Kiều A đã nhận lại tài sản, Tạ Nữ Thùy V đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Xuân D, Đỗ Thị Ngọc U; bị cáo Lê Tấn B không yêu cầu bị cáo Huỳnh Thúy N bồi thường không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cờ lê 8 bằng kim loại màu trắng hiệu Diamond Brand; 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng hiệu Chrome Vanadium; biển số xe mô tô 79U2-1267. (Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Tấn B phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Huỳnh Thúy N phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Lê Tấn B, Huỳnh Thúy N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các người bị hại Trần M, Lê Thị Kiều A, Tạ Nữ Thùy V; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Xuân D, Đỗ Thị Ngọc U, Nguyễn Tấn TH có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND t.p R;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p R;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công